ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ PHÚ THIỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 89 /TTr-UBND	*Phú Thiện, ngày 28 tháng 10 năm 2025*

TỜ TRÌNH
Về việc điều chỉnh, bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2025

Kính gửi: HĐND xã khóa V - Kỳ họp thứ Tư (Chuyên đề)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND tỉnh Gia Lai ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1937/QĐ-UBND tỉnh Gia Lai ngày 26/9/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND tỉnh Gia Lai ngày /10/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND xã Phú Thiện về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn xã;

Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND xã Phú Thiện về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND xã Phú Thiện về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn xã;

Căn cứ tờ trình 180/TTr-UBND ngày 20/10/2025 của UBND tỉnh Gia Lai Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Sau khi xem xét 595/TTr-PKT ngày 27/10/2025 của Phòng kinh tế; UBND xã trình Hội đồng nhân dân xã khóa V - Kỳ họp thứ Tư (chuyên đề) xem xét, cho ý kiến về việc điều chỉnh, bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2025. Cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số & miền núi, với số tiền: 1.157.194.000 đồng *(Một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu một trăm chín mươi tư nghìn đồng chẵn; chi tiết theo phụ lục 01,02 đính kèm).*

2. Điều chỉnh, bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, với số tiền: 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng chẵn; chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm).*

3. Điều chỉnh, bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới với số tiền: 64.000.000 đồng *(Sáu mươi tư triệu đồng chẵn; chi tiết theo phụ lục 04 đính kèm).*

Đồng thời hoàn trả nguồn dự phòng ngân sách xã: 42.000.000 đồng.

(Có dự thảo Văn bản tham mưu kèm theo).

UBND xã kính trình HĐND xã khóa V - Kỳ họp thứ Tư (chuyên đề) xem xét, quyết định để UBND xã tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ban KT-XH HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND xã;
- Lưu: VT, CvHi.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ PHÚ THIỆN T. GIA LAI

Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục 01

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 28/10/2025 của Uỷ ban nhân dân xã)

ĐVT: 1000 đồng

STT	Tên Dự án	Dự toán năm 2025 đã giao tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 01/8/2025 và Quyết định số 65/QĐ-UBND xã ngày 06/8/2025				Điều chỉnh tăng (+)/Giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Đơn vị thực hiện
		Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã *	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=3+7	12=4+8	13=5+9	14=6+10	15
	Tổng cộng	**4.202.480**	**3.456.028**		**746.452**	**1.157.194**	**1.109.989**	**45.204**	**2.001**	**5.359.674**	**4.566.017**	**45.204**	**748.453**	
1	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**	**628.000**	**628.000**		**0**	**0**	**0**		**0**	**628.000**	**628.000**		**0**	
1.1	**Nội dung 3**: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	460.000	460.000			0				460.000	460.000			Phòng Kinh tế
1.2	**Nội dung 4**: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	168.000	168.000			0				168.000	168.000			
2	**Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**	**815.000**	**771.000**		**44.000**	**0**	**0**		**0**	**815.000**	**771.000**		**44.000**	
2.1	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị *(dự án liên kết trong chăn nuôi bò sinh sản an toàn dịch bệnh trên địa bàn xã Phú Thiện)*	815.000	771.000		44.000	0				815.000	771.000		44.000	Phòng Kinh tế
3	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**	**496.280**	**427.120**		**69.160**	**2.071.194**	**2.022.989**	**45.204**	**3.001**	**2.567.474**	**2.450.109**	**45.204**	**72.161**	Ban quản lý các Chương trình MTQG xã
3.1	**Tiểu dự án 1 - Nội dung 1**: Đầu tư chính sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	496.280	427.120		69.160	2.071.194	2.022.989	45.204	3.001	2.567.474	2.450.109	45.204	72.161	
-	Duy tu, sửa chữa đường GTNT thôn Kram	496.280	427.120		69.160					496.280	427.120	0	69.160	
-	Duy tu, sửa chữa đường GTNT thôn Plei Ktc Nhỏ, Plei Kual, xã Phú Thiện					1.209.005	1.160.800	45.204	3.001	1.209.005	1.160.800	45.204	3.001	
-	Duy tu, sửa chữa đường giao thông nội đồng thôn Mơ Nai Trang, xã Phú Thiện					862.189	862.189	0	0	862.189	862.189	0	0	
4	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**	**1.668.400**	**1.066.000**		**602.400**	**-725.000**	**-725.000**	**0**	**0**	**943.400**	**341.000**	**0**	**602.400**	
4.1	**Tiểu dự án 1**: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	1.327.400	725.000		602.400	-725.000	-725.000			602.400	0	0	602.400	Chi tiết PL02
4.2	**Tiểu dự án 2 - Nội dung 1**: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	89.000	89.000			0				89.000	89.000	0	0	Phòng Văn hóa - Xã hội
4.3	**Tiểu dự án 3:** Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	122.400	122.400			0				122.400	122.400	0	0	
4.4	**Tiểu dự án 4**: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	129.600	129.600			0				129.600	129.600	0	0	
5	**Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**	**169.000**	**151.108**		**17.892**	**-100.000**	**-100.000**			**69.000**	**51.108**	**0**	**17.892**	UB Mặt trận TQVN xã
6	**Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù**	**133.200**	**128.000**		**5.200**	**-70.000**	**-70.000**	**0**	**0**	**63.200**	**58.000**	**0**	**5.200**	
6.1	**Tiểu Dự án 2**: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	133.200	128.000		5.200	-70.000	-70.000			63.200	58.000	0	5.200	Phòng Văn hóa - Xã hội

STT	Tên Dự án	Dự toán năm 2025 đã giao tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 01/8/2025 và Quyết định số 65/QĐ-UBND xã ngày 06/8/2025				Điều chỉnh tăng (+)/Giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Đơn vị thực hiện
		Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã *	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=3+7	12=4+8	13=5+9	14=6+10	15
7	**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**	**292.600**	**284.800**		**7.800**	**-19.000**	**-18.000**	**0**	**-1.000**	**273.600**	**266.800**	**0**	**6.800**	
7.1	**Tiểu dự án 1:** Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	273.600	266.800		6.800	0				273.600	266.800	0	6.800	Phòng Văn hóa - Xã hội
7.2	**Tiểu dự án 3:** Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	19.000	18.000		1.000	-19.000	-18.000		-1.000	0	0	0	0	

Phụ lục 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2025: TIỂU DỰ ÁN 1- DỰ ÁN 5:
ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG PTDTNT, TRƯỜNG PTDT BÁN TRÚ, TRƯỜNG PTDT CÓ HỌC SINH BÁN TRÚ VÀ XÓA MÙ CHỮ CHO NGƯỜI DÂN VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS

(Kèm theo Tờ trình số 89 /TTr-UBND ngày 28/10/2025 của Uỷ ban nhân dân xã)

Đơn vị:1000 đồng

STT	Các đơn vị	Dự toán năm 2025 đã giao tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 01/8/2025 và Quyết định số 65/QĐ-UBND xã ngày 06/8/2025			Điều chỉnh tăng (+)/Giảm (-)			Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng	NSTW	NS xã	Tổng	NSTW	NS xã	Tổng	NSTW	NS xã	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=3+6	10=4+7	11=5+8	12
I	**Tổng cộng (A)+(B)**	**1.327.400**	**725.000**	**602.400**	**-725.000**	**-725.000**	**0**	**602.400**	**0**	**602.400**	
A	**Nội dung: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, có học sinh bán trú**	**602.400**	**0**	**602.400**	**0**	**0**	**0**	**602.400**	**0**	**602.400**	
01	Trường PTDTBT TH Anh Hùng Núp	200.800	0	200.800	0	0		200.800	0	200.800	Bộ thiết bị dạy học tối thiểu 1
02	Trường TH Lý Tự Trọng	200.800	0	200.800	-200.800	0	-200.800	0	0	0	Không thuộc đối tượng: Trường phổ thông có học sinh ở bán trú, mục 4, Điều 1 Quyết định 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của thủ tướng Chính phủ.
03	Trường THCS DTNT huyện	200.800	0	200.800	200.800	0	200.800	401.600	0	401.600	Bộ thiết bị dạy học tối thiểu 6 và Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú
B	**Nội dung: Xóa mù chữ**	**725.000**	**725.000**	**0**	**-725.000**	**-725.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	
01	Trường TH Nguyễn Trãi	363.000	363.000	0	-363.000	-363.000	0	0	0	0	Mở 01 lớp xóa mù chữ với 46 học viên và 01 lớp tuyên truyền
02	Trường PTDTBT TH Anh Hùng Núp	362.000	362.000	0	-362.000	-362.000	0	0	0	0	Mở 01 lớp xóa mù chữ với 46 học viên và 01 lớp tuyên truyền

Phụ lục 03

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 28/10/2025 của Uỷ ban nhân dân xã)

ĐVT: 1000 đồng

STT	Tên Dự án	Dự toán năm 2025 đã giao tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 01/8/2025 và Quyết định số 63/QĐ-UBND xã ngày 06/8/2025				Điều chỉnh tăng (+)/Giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Đơn vị thực hiện
		Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã *	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=3+7	12=4+8	13=5+9	14=6+10	15
	Tổng cộng	**2.359**	**2.145**	**-**	**214**	**600**	**600**	**-**	**-**	**2.959**	**2.745**	**-**	**214**	
1	**Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**	**898**	**817**		**81**	**1.370**	*1.300*		70	**2.268**	2.117		151	Phòng Kinh tế
2	**Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**	**223**	**203**	**0**	**20**	**0**	**0**	**0**	**0**	**223**	**203**	**0**	**20**	
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	223	203		20					223	203		20	Phòng Kinh tế
3	**Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**	**1109**	**1008**	**0**	**101**	**-770**	**-700**	**0**	**-70**	**339**	**308**	**0**	**31**	
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn(kinh phí đào tạo nghề)	770	700		70	-770	*-700*	*0*	*-70*					Phòng Văn hóa - Xã hội
	Tiểu dự án 3:Hỗ trợ việc làm bền vững	339	308		31					339	308		31	Phòng Văn hóa - Xã hội
4	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**	**129**	**117**	**0**	**12**	**0**	**0**	**0**	**0**	**129**	**117**	**0**	**12**	
4.1	*Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*	72	65		7					72	65		7	Phòng Kinh tế
4.2	*Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*	57	52		5					57	52		5	Phòng Kinh tế

Phụ lục 04

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 28/10/2025 của Uỷ ban nhân dân xã)

ĐVT: 1000 đồng

STT	Tên Dự án	Dự toán năm 2025 đã giao tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 01/8/2025 và Quyết định số 64/QĐ-UBND xã ngày 06/8/2025					Điều chỉnh tăng (+)/Giảm (-)					Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh					Đơn vị thực hiện
		Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã *	Đối ứng của doanh nghiệp, nhân dân	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	Đối ứng của doanh nghiệp, nhân dân	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	Đối ứng của doanh nghiệp, nhân dân	
1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7	8=9+...+12	9	10	11	12	13=14+..+17	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG	**10.017,845**	**4.559,561**	**98,515**	**42,000**	**5.317,769**	**64,000**	**56,000**	**0**	**8,000**	**0**	**10.081,845**	**4.615,561**	**98,515**	**50,000**	**5.317,769**	
I	**Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn**	**7.951,000**	**2.985,000**			**4.966,000**						**7.951,000**	**2.985,000**			**4.966,000**	Phòng Kinh tế
1	Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp. Hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại	7.951,000	2.985,000			4.966,000						7.951,000	2.985,000			4.966,000	
1.1	Mô hình nuôi hươu sao ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn xã	4.971,000	1.495,000			3.476,000						4.971,000	1.495,000			3.476,000	Phòng Kinh tế

1.2	Mô hình nuôi chồn vòi mốc thương phẩm ứng dụng công nghệ cao của HTX Phố Yến	2.980,000	1.490,000			1.490,000						2.980,000	1.490,000			1.490,000	Phòng Kinh tế
II	**Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn**	**445,000**	**445,000**									**445,000**	**445,000**				
1	Nội dung 01. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng	445,000	445,000									445,000	445,000				Phòng Văn hóa - Xã hội
III	**Nội dung thành phần số 9: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới**	**20,000**	**0,000**	**20,000**								**20,000**		**20,000**			
1	Hỗ trợ kinh phí tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	20,000		20,000								20,000		20,000			Uỷ ban MTTQ xã
IV	**Nội dung thành phần số 11:Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM**	**116,000**	**90,000**	**26,000**								**116,000**	**90,000**	**26,000**			
1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng (kinh phí quản lý chương trình)	71,000	45,000	26,000								71,000	45,000	26,000			Phòng Kinh tế

2	Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM *(Chi truyền thông, tuyên truyền)*	45,000	45,000									45,000	45,000	0,000			Phòng Văn hóa - Xã hội
V	**Chương trình nâng cao chất lượng hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh trật tự trong xây dựng nông thôn mới**	30,000	**10,000**	**20,000**			-30,000	*-10,000*	*-20,000*								**Văn phòng HĐND-UBND**
VI	**Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn**						30,000	*10,000*	*20,000*			30,000	10,000	20,000			**Văn phòng HĐND-UBND**
VII	**Nội dung thành phần số 7: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn**	**1.455,845**	**1.029,561**	**32,515**	**42,000**	**351,769**	**64,000**	**56,000**	**0,000**	**8,000**		**1.519,845**	**1.085,561**	**32,515**	**50,000**	**351,769**	
1	Nội dung 5: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tập trung phát triển các mô hình thôn xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểm mẫu (Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn)	689,000	482,000			207,000	64,000	*56,000*		8,000		753,000	538,000	0,000	8,000	207,000	Phòng Kinh tế (Điều chỉnh tăng để quyết toán phần vốn đã thanh toán trước 30/6/2025)
2	Nội dung 7: Triển khai hiệu quả chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Công tác vệ sinh).	766,845	547,561	32,515	42,000	144,769	0,000					766,845	547,561	32,515	42,000	144,769	Phòng Kinh tế

Ghi chú: Nội dung thành phần số 7 - Nội dung 7: Hoàn nguồn dự phòng ngân sách xã: 42 triệu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ PHÚ THIỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND	*Phú Thiện, ngày 01 tháng 11 năm 2025*

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT
V/v Điều chỉnh, bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ PHÚ THIỆN
KHÓA V - KỲ HỌP THỨ TƯ (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dự trữ quốc gia, luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND tỉnh Gia Lai ngày 15/9/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1937/QĐ-UBND tỉnh Gia Lai ngày 26/9/2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND tỉnh Gia Lai ngày /10/2025 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND xã Phú Thiện về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn xã;

Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND xã Phú Thiện về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của UBND xã Phú Thiện về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2025 trên địa bàn xã;

Theo Tờ trình số 89 /TTr-UBND ngày 28/10/2025 của UBND xã về việc xin ý kiến điều chỉnh, bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân xã; ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG năm 2025. Cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số & miền núi, với số tiền: 1.157.194.000 đồng *(Một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu một trăm chín mươi tư nghìn đồng chẵn; chi tiết theo phụ lục 01,02 đính kèm)*.

2. Điều chỉnh, bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, với số tiền: 600.000.000 đồng *(Sáu trăm triệu đồng chẵn; chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm)*.

3. Điều chỉnh, bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới với số tiền: 64.000.000 đồng *(Sáu mươi tư triệu đồng chẵn; chi tiết theo phụ lục 04 đính kèm)*.

Đồng thời hoàn trả nguồn dự phòng ngân sách xã: 42.000.000 đồng.

Điều 2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Đại biểu Hội đồng nhân dân xã kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Phú Thiện khóa V, Kỳ họp thứ Tư (chuyên đề) nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua ngày tháng năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Duy

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Thường vụ Đảng ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ban Thường trực UBMTTQVN xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, ban ngành, đơn vị cấp xã;
- Cổng thông tin điện tử của xã;
- VT.

Phụ lục 01

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 01/11/2025 của HĐND xã)

ĐVT: 1000 đồng

STT	Tên Dự án	Dự toán năm 2025 đã giao tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 01/8/2025 và Quyết định số 65/QĐ-UBND xã ngày 06/8/2025				Điều chỉnh tăng (+)/Giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Đơn vị thực hiện
		Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã *	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=3+7	12=4+8	13=5+9	14=6+10	15
	Tổng cộng	**4.202.480**	**3.456.028**		**746.452**	**1.157.194**	**1.109.989**	**45.204**	**2.001**	**5.359.674**	**4.566.017**	**45.204**	**748.453**	
1	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**	**628.000**	**628.000**		**0**	**0**	**0**		**0**	**628.000**	**628.000**		**0**	
1.1	**Nội dung 3**: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	460.000	460.000			0				460.000	460.000			Phòng Kinh tế
1.2	**Nội dung 4**: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	168.000	168.000			0				168.000	168.000			
2	**Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**	**815.000**	**771.000**		**44.000**	**0**	**0**		**0**	**815.000**	**771.000**		**44.000**	
2.1	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị *(dự án liên kết trong chăn nuôi bò sinh sản an toàn dịch bệnh trên địa bàn xã Phú Thiện)*	815.000	771.000		44.000	0				815.000	771.000		44.000	Phòng Kinh tế
3	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**	**496.280**	**427.120**		**69.160**	**2.071.194**	**2.022.989**	**45.204**	**3.001**	**2.567.474**	**2.450.109**	**45.204**	**72.161**	Ban quản lý các Chương trình MTQG xã
3.1	**Tiểu dự án 1 - Nội dung 1**: Đầu tư chính sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	496.280	427.120		69.160	2.071.194	2.022.989	45.204	3.001	2.567.474	2.450.109	45.204	72.161	
-	Duy tu, sửa chữa đường GTNT thôn Kram	496.280	427.120		69.160					496.280	427.120	0	69.160	
-	Duy tu, sửa chữa đường GTNT thôn Plei Kte Nhỏ, Plei Kual, xã Phú Thiện					1.209.005	1.160.800	45.204	3.001	1.209.005	1.160.800	45.204	3.001	
-	Duy tu, sửa chữa đường giao thông nội đồng thôn Mơ Nai Trang, xã Phú Thiện					862.189	862.189	0	0	862.189	862.189	0	0	
4	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**	**1.668.400**	**1.066.000**		**602.400**	**-725.000**	**-725.000**	**0**	**0**	**943.400**	**341.000**	**0**	**602.400**	
4.1	**Tiểu dự án 1**: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	1.327.400	725.000		602.400	-725.000	-725.000			602.400	0	0	602.400	Chi tiết PI.02
4.2	**Tiểu dự án 2 - Nội dung 1**: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	89.000	89.000			0				89.000	89.000	0	0	Phòng Văn hóa - Xã hội
4.3	**Tiểu dự án 3:** Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	122.400	122.400			0				122.400	122.400	0	0	
4.4	**Tiểu dự án 4**: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	129.600	129.600			0				129.600	129.600	0	0	
5	**Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**	**169.000**	**151.108**		**17.892**	**-100.000**	**-100.000**			**69.000**	**51.108**	**0**	**17.892**	UB Mặt trận TQVN xã
6	**Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù**	**133.200**	**128.000**		**5.200**	**-70.000**	**-70.000**	**0**	**0**	**63.200**	**58.000**	**0**	**5.200**	
6.1	**Tiểu Dự án 2**: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	133.200	128.000		5.200	-70.000	-70.000			63.200	58.000	0	5.200	Phòng Văn hóa - Xã hội

STT	Tên Dự án	Dự toán năm 2025 đã giao tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 01/8/2025 và Quyết định số 65/QĐ-UBND xã ngày 06/8/2025				Điều chỉnh tăng (+)/Giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Đơn vị thực hiện
		Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã *	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=3+7	12=4+8	13=5+9	14=6+10	15
7	**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**	**292.600**	**284.800**		**7.800**	**-19.000**	**-18.000**	**0**	**-1.000**	**273.600**	**266.800**	**0**	**6.800**	
7.1	**Tiểu dự án 1:** Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	273.600	266.800		6.800	0				273.600	266.800	0	6.800	Phòng Văn hóa - Xã hội
7.2	**Tiểu dự án 3:** Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	19.000	18.000		1.000	-19.000	-18.000		-1.000	0	0	0	0	

Phụ lục 02

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2025: TIỂU DỰ ÁN 1- DỰ ÁN 5:
ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG PTDTNT, TRƯỜNG PTDT BÁN TRÚ, TRƯỜNG PTDT CÓ HỌC SINH BÁN TRÚ VÀ XÓA MÙ CHỮ CHO NGƯỜI DÂN VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2025 của HĐND xã)

Đơn vị:1000 đồng

STT	Các đơn vị	Dự toán năm 2025 đã giao tại Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 01/8/2025 và Quyết định số 65/QĐ-UBND xã ngày 06/8/2025			Điều chỉnh tăng (+)/Giảm (-)			Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng	NSTW	NS xã	Tổng	NSTW	NS xã	Tổng	NSTW	NS xã	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=3+6	10=4+7	11=5+8	12
I	**Tổng cộng (A)+(B)**	**1.327.400**	**725.000**	**602.400**	**-725.000**	**-725.000**	**0**	**602.400**	**0**	**602.400**	
A	**Nội dung: Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, có học sinh bán trú**	**602.400**	**0**	**602.400**	**0**	**0**	**0**	**602.400**	**0**	**602.400**	
01	Trường PTDTBT TH Anh Hùng Núp	200.800	0	200.800	0	0		200.800	0	200.800	Bộ thiết bị dạy học tối thiểu 1
02	Trường TH Lý Tự Trọng	200.800	0	200.800	-200.800	0	-200.800	0	0	0	Không thuộc đối tượng: Trường phổ thông có học sinh ở bán trú, mục 4, Điều 1 Quyết định 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của thủ tướng Chính phủ.
03	Trường THCS DTNT huyện	200.800	0	200.800	200.800	0	200.800	401.600	0	401.600	Bộ thiết bị dạy học tối thiểu 6 và Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường phổ thông dân tộc nội trú
B	**Nội dung: Xóa mù chữ**	**725.000**	**725.000**	**0**	**-725.000**	**-725.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	
01	Trường TH Nguyễn Trãi	363.000	363.000	0	-363.000	-363.000	0	0	0	0	Mở 01 lớp xóa mù chữ với 46 học viên và 01 lớp tuyên truyền
02	Trường PTDTBT TH Anh Hùng Núp	362.000	362.000	0	-362.000	-362.000	0	0	0	0	Mở 01 lớp xóa mù chữ với 46 học viên và 01 lớp tuyên truyền

Phụ lục 03

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 01/11/2025 của HĐND xã)

ĐVT: 1000 đồng

STT	Tên Dự án	Dự toán năm 2025 đã giao tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 01/8/2025 và Quyết định số 63/QĐ-UBND xã ngày 06/8/2025				Điều chỉnh tăng (+)/Giảm (-)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh				Đơn vị thực hiện
		Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã *	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=3+7	12=4+8	13=5+9	14=6+10	15
	Tổng cộng	**2.359**	**2.145**	**-**	**214**	**600**	**600**	**-**	**-**	**2.959**	**2.745**	**-**	**214**	
1	**Dự án 2. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**	**898**	**817**		**81**	**1.370**	*1.300*		70	**2.268**	2.117		151	Phòng Kinh tế
2	**Dự án 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**	**223**	**203**	**0**	**20**	**0**	**0**	**0**	**0**	**223**	**203**	**0**	**20**	
	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	223	203		20					223	203		20	Phòng Kinh tế
3	**Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**	**1109**	**1008**	**0**	**101**	**-770**	**-700**	**0**	**-70**	**339**	**308**	**0**	**31**	
	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn(kinh phí đào tạo nghề)	770	700		70	-770	*-700*	*0*	*-70*					Phòng Văn hóa - Xã hội
	Tiểu dự án 3:Hỗ trợ việc làm bền vững	339	308		31					339	308		31	Phòng Văn hóa - Xã hội
4	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**	**129**	**117**	**0**	**12**	**0**	**0**	**0**	**0**	**129**	**117**	**0**	**12**	
4.1	*Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*	72	65		7					72	65		7	Phòng Kinh tế
4.2	*Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*	57	52		5					57	52		5	Phòng Kinh tế

Phụ lục 04

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 01/11/2025 của HĐND xã)

ĐVT: 1000 đồng

STT	Tên Dự án	Dự toán năm 2025 đã giao tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 01/8/2025 và Quyết định số 64/QĐ-UBND xã ngày 06/8/2025					Điều chỉnh tăng (+)/Giảm (-)					Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh					Đơn vị thực hiện
		Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã *	Đối ứng của doanh nghiệp, nhân dân	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	Đối ứng của doanh nghiệp, nhân dân	Tổng	NSTW	NST	Ngân sách xã	Đối ứng của doanh nghiệp, nhân dân	
1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7	8=9+...+12	9	10	11	12	13=14+..+17	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG	**10.017,845**	**4.559,561**	**98,515**	**42,000**	**5.317,769**	**64,000**	**56,000**	**0**	**8,000**	**0**	**10.081,845**	**4.615,561**	**98,515**	**50,000**	**5.317,769**	
I	**Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn**	**7.951,000**	**2.985,000**			**4.966,000**						**7.951,000**	**2.985,000**			**4.966,000**	Phòng Kinh tế
1	Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp. Hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại	7.951,000	2.985,000			4.966,000						7.951,000	2.985,000			4.966,000	
1.1	Mô hình nuôi hươu sao ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn xã	4.971,000	1.495,000			3.476,000						4.971,000	1.495,000			3.476,000	Phòng Kinh tế

1.2	Mô hình nuôi chồn vòi mốc thương phẩm ứng dụng công nghệ cao của HTX Phố Yến	2.980,000	1.490,000			1.490,000						2.980,000	1.490,000			1.490,000	Phòng Kinh tế
II	**Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn**	**445,000**	**445,000**									**445,000**	**445,000**				
1	Nội dung 01. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng	445,000	445,000									445,000	445,000				Phòng Văn hóa - Xã hội
III	**Nội dung thành phần số 9: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới**	**20,000**	**0,000**	**20,000**								**20,000**		**20,000**			
1	Hỗ trợ kinh phí tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	20,000		20,000								20,000		20,000			Uỷ ban MTTQ xã
IV	**Nội dung thành phần số 11:Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM**	**116,000**	**90,000**	**26,000**								**116,000**	**90,000**	**26,000**			
1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng (kinh phí quản lý chương trình)	71,000	45,000	26,000								71,000	45,000	26,000			Phòng Kinh tế

2	Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM *(Chi truyền thông, tuyên truyền)*	45,000	45,000									45,000	45,000	0,000			Phòng Văn hóa - Xã hội
V	**Chương trình nâng cao chất lượng hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh trật tự trong xây dựng nông thôn mới**	30,000	**10,000**	**20,000**			-30,000	*-10,000*	*-20,000*								**Văn phòng HĐND-UBND**
VI	**Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn**						30,000	*10,000*	*20,000*			30,000	10,000	20,000			**Văn phòng HĐND-UBND**
VII	**Nội dung thành phần số 7: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống nông thôn**	**1.455,845**	**1.029,561**	**32,515**	**42,000**	**351,769**	**64,000**	**56,000**	**0,000**	**8,000**		**1.519,845**	**1.085,561**	**32,515**	**50,000**	**351,769**	
1	Nội dung 5: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tập trung phát triển các mô hình thôn xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểm mẫu (Chi hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn)	689,000	482,000			207,000	64,000	*56,000*		8,000		753,000	538,000	0,000	8,000	207,000	Phòng Kinh tế (Điều chỉnh tăng để quyết toán phần vốn đã thanh toán trước 30/6/2025)
2	Nội dung 7: Triển khai hiệu quả chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Công tác vệ sinh).	766,845	547,561	32,515	42,000	144,769	0,000					766,845	547,561	32,515	42,000	144,769	Phòng Kinh tế

Ghi chú: Nội dung thành phần số 7 - Nội dung 7: Hoàn nguồn dự phòng ngân sách xã: 42 triệu